

CHÂU Á - CHÂU PHI : NHỮNG DI SẢN VÀ CƠ HỘI PHÁT TRIỂN

Trong 3 thập kỷ qua, mọi người trên thế giới thường cho rằng những nước kém phát triển ở khu vực châu Á, châu Phi và Mỹ La tinh là “thế giới thứ 3”, được hiểu như thế giới của sự tụt hậu và nghèo đói. Từ giữa những năm 1990, suy nghĩ này đã dần được thay đổi. Thế giới thứ 3 không còn là một khu vực cách biệt với thế giới bên ngoài, rất nghèo đói và trình độ dân trí thấp nữa. Nền kinh tế của khu vực Đông và Đông Nam Á đã phát triển nhanh chóng trong vòng 1/4 thập kỷ qua. Những quốc gia và lãnh thổ thương mại sầm uất như Hồng Kông và Xingapo thực sự là mẫu chuẩn cho nền kinh tế có mức thu nhập cao, và nếu như tốc độ phát triển ở Đài Loan vẫn tiếp tục được duy trì như những năm đầu thế kỷ XXI thì mức thu nhập bình quân đầu người ở Đài Loan có thể đuổi kịp các nước phát triển như Đức, Italia và bất kỳ quốc gia nào ở châu Âu vào cuối thập kỷ XXI. Hàn Quốc và Malaixia cũng là những quốc gia đang dần đuổi kịp tốc độ phát triển của các nước công nghiệp, tiếp theo đó là Thái Lan và Indônêxia, mặc dù nền kinh tế 2 quốc gia này kém phát triển hơn nhưng họ đang có tốc độ phát triển kinh tế rất nhanh chóng.

Không có bất kỳ những tiên đoán nào về sự thành công của khu vực châu Á trong những năm 1950 và đầu những năm 1960. Trong thời gian đó, châu Á xuất hiện như là một khu vực lạc hậu và nghèo đói, dân số đông đúc và gia tăng nhanh chóng, chế độ luật pháp không ổn định, nền sản xuất công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên. Cuối những năm 1950-1960, hầu hết các quốc gia châu Phi đã giành được độc lập, chính phủ châu Phi đã hứa hẹn rất nhiều với người dân, xây dựng một châu lục ổn định và giàu mạnh. Châu Phi xuất phát điểm với một cơ sở vật chất lạc hậu, giáo dục và kinh nghiệm quản lý chính phủ còn hạn chế, nhưng châu lục này đã được hưởng tài nguyên thiên nhiên dồi dào và phong phú cùng với vùng đất đai rộng lớn, tương đối màu mỡ. Những lời hứa của chính phủ châu Phi trước khi phát triển kinh tế độc lập khó được thực hiện. Những chính sách và chiến lược phát triển không hiệu quả của châu Phi lúc đó đã tạo ra sự trì trệ của nền kinh tế ở rất nhiều các quốc gia châu Phi. Trong khoảng thời gian từ năm 1965 đến 1990, tỷ lệ gia tăng thu nhập bình quân đầu người ở các nước châu Á khoảng 5%/năm so với nửa đầu những năm 1960,

thì nhiều nước châu Phi có tỷ lệ gia tăng bình quân đầu người là âm, ví dụ như: Kênia, Côt Đivoa, Dămbia, Côngô ...

1. Tại sao châu Á phát triển kinh tế nhanh hơn châu Phi?

Các số liệu thống kê của IMF, WB cho thấy sự khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế giữa châu Á và châu Phi. Các nước châu Á thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tỷ lệ đầu tư trong GDP ngày càng lớn. Ví dụ trong khoảng thời gian từ năm 1965 – 1990, tỷ lệ đầu tư trong GDP của các nước châu Á bình quân là 35,6%, của các nước châu Phi chỉ là 17,3%, thấp hơn nhiều so với khu vực châu Á. Tuy nhiên, một vài nước châu Phi như Camơrun, Côt Đivoa, Kênia, Tadania và Dămbia đã có tỷ lệ đầu tư trong GDP ở mức tương đối cao, chiếm ít nhất 20%, nhưng vẫn thấp hơn châu Á.

Sự đóng góp của vốn đầu tư và nguồn nhân lực trong tăng trưởng GDP mang tính chất quyết định ở châu Á, trừ Malaixia và Philipin, vốn nhân lực và vốn đầu tư đóng góp cho tăng trưởng kinh tế từ 2 - 5%/năm. Nhưng ở châu Phi, phần đóng góp đó tương đối nhỏ. Một lý do nữa giải thích tại sao châu Á phát triển kinh tế nhanh hơn châu Phi, đó là vì các nước châu Á chú trọng đến phát triển đến giáo dục.

Nền kinh tế châu Á phát triển nhanh hơn so với châu Phi còn bởi 2 lý do: châu Á quản lý nền kinh tế vĩ mô hợp lý, bao gồm quản lý linh hoạt tỷ giá hối đoái và thị trường các nhân tố. Một điểm tương đồng giữa chính sách phát triển thương mại của châu Á và châu Phi là sự kiên định mức bảo hộ ngành thương mại của mình.

Nhưng các nước châu Phi không có chính sách bảo hộ cũng như những công cụ cho chính sách xuất khẩu hợp lý như các quốc gia châu Á. Các quốc gia châu Á thúc đẩy xuất khẩu của mình bằng cách thiết lập các cơ chế, như là khu vực mậu dịch tự do và giảm hạn ngạch thuế quan cho hàng hoá xuất khẩu. Điều này giúp cho các công ty xuất khẩu giảm được chi phí, gia tăng lợi nhuận, cải tiến chất lượng, gia tăng cạnh tranh đối với hàng hoá nước ngoài.

Các chiến lược phát triển của châu Á đã ăn sâu trong các mô hình quản lý của từng quốc gia, có tính chất quyết định đối với việc khai thác các nguồn lực sẵn có một cách hiệu quả nhất và được thực hiện thông qua các chính sách kinh tế vi mô và vĩ mô ở hầu hết các quốc gia khu vực châu Á.

2. Chính phủ và chiến lược kinh tế

Một trong những vấn đề cốt lõi để so sánh và phân biệt sự khác nhau giữa châu Á và châu Phi là so sánh kinh nghiệm quản lý giữa 2 khu vực này khác nhau như thế nào và tại sao lại khác nhau? Hơn 3 thập kỷ qua, các chính phủ châu Á có những định hướng phát triển kinh tế tốt hơn, ổn định chính trị – xã hội hơn so với các nước châu Phi. Sự ổn định chính trị của châu Á thể hiện bằng khoảng thời gian dài nắm giữ chính quyền của các nhà lãnh đạo nổi tiếng, ví dụ: 18 năm cai trị của Tổng thống Pắc Chung Hy (Hàn Quốc); vai trò quan trọng của Quốc Dân Đảng ở Đài loan, Tổng thống Lý Quang Diệu ở Xingapo, Tổng thống Suharto ở Indônêxia và các thủ tướng dài nhiệm kỳ của Đảng Dân tộc Mã lai Thống nhất (UMNO) ở Malaixia. Sự cai trị này là

động lực tạo đà phát triển kinh tế của các quốc gia đó.

Mặc dù ổn định chính trị là cần thiết cho quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng nhưng điều này vẫn chưa đủ. Ví dụ ở Philipin có một chế độ cầm quyền tương đối dài nhưng nền kinh tế chưa thực sự phát triển hiệu quả và ở một số quốc gia châu Phi cũng có những chế độ cầm quyền trong khoảng thời gian dài đến hàng thập kỷ như ở Côt Đivoa, Gambia, Kênia, Malauy, Xênegan, Tandia, Dai-a, Dambia và Dimbabuê, nhưng không phải quốc gia nào trong số này cũng duy trì được sự phát triển nhanh chóng.

Để một chế độ cai trị có hiệu quả thì chính phủ đó phải phát triển kinh tế ở mức cao, vượt qua được những rủi ro về chính trị cũng như sự bất ổn định xã hội của quốc gia đó. Tác giả Dwight Perkins và Michael Roemer đã cho rằng, chính phủ một vài nước châu Á nhận thức được phát triển kinh tế là yếu tố sống còn cho việc giữ gìn uy tín và sự tồn tại của một chế độ chính trị của quốc gia đó, chẳng hạn như Indônêxia, Malaixia và cả Hàn Quốc, Đài Loan lẫn Xingapo.

Sự cạnh tranh trong các đảng phái chính trị ở châu Á cũng là một phương thức giúp một số quốc gia đa đảng ở châu Á có những ưu tiên trong chính sách phát triển kinh tế của mình. Ở Hàn Quốc, Đài Loan và Xingapo, sự giàu có và phát triển của quốc gia luôn gắn bó chặt chẽ với chính sách kinh tế tốt của một thể chế chính trị tốt. Đây được coi như là thành trì cho phát triển kinh tế bền vững ở các quốc gia đó. Các nhà lãnh đạo châu Á thường có nhiệm kỳ cai trị đất nước rất dài. Ví dụ Bộ

trưởng Tài chính Indônêxia đã có nhiệm kỳ công tác 15 năm trước khi ông được bổ nhiệm tiếp tục trong 5 năm tiếp theo. Dưới chế độ quân chủ (*monarchy*), các nhà hoạch định chính sách kinh tế của Thái Lan được cầm quyền thời gian dài. Các nhà kỹ trị của Malaixia có ảnh hưởng ít hơn, nhưng họ cho rằng phát triển kinh tế nhanh chóng phải phục vụ cho mục tiêu chính trị và xã hội. Mặc dù châu Phi đã có một vài quốc gia có các nhà hoạch định chính sách kinh tế xuất sắc nhưng chỉ có số ít các nhà hoạch định chính sách này có ảnh hưởng lâu dài tới sự phát triển kinh tế như ở châu Á.

Ở những quốc gia đang có xung đột lợi ích sắc tộc, đặc biệt là châu Phi, các quốc gia này thường tập trung chủ yếu vào mục tiêu ổn định chính trị hơn là mục tiêu phát triển kinh tế. Các nước châu Phi thường không có khả năng cải cách cơ chế quản lý của chính phủ cũng như cải cách nền kinh tế của họ. Đây là trở ngại rất lớn trong phát triển kinh tế của phần lớn các nước châu Phi. Còn ở châu Á, khi xảy ra những cuộc xung đột hay khoảng hoảng, chính phủ châu Á thường giải quyết bằng cải cách nền kinh tế thích ứng với điều kiện hiện tại. Ví dụ, để cải cách chính phủ Thái Lan, Thủ tướng Prem Tinasulanond đã liên kết trao đổi với các hiệp hội thương mại để mang lại lợi ích cho quá trình cải cách của mình. Thủ tướng Suharto của Indônêxia cũng cải cách doanh nghiệp bằng cách để một công ty của Thụy Sĩ thực hiện rất nhiều các nhiệm vụ quản trị khách hàng, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian. Tại một số nước châu Phi như Côt Đivoa, Dimbabuê, Nam Phi thời kỳ những năm 1960 - 1990 cũng có những

hiệp hội thương mại hoạt động tích cực, nhưng những quốc gia này không tạo được thuận lợi cho hiệp hội thương mại phát huy tiềm năng của mình để thúc đẩy cải cách kinh tế.

Chính phủ các nước châu Á có những chính sách phát triển kinh tế tương đối tương đồng như : xác định các nhà lãnh đạo chính trị mẫu mực, xây dựng một nền giáo dục tốt, một bộ máy quan chức công quyền thân thiện, liêm chính và một hệ thống quốc phòng an ninh ngăn chặn được sự bất ổn chính trị cũng như thù địch bên ngoài, lợi ích quần chúng nhân dân đặt trên lợi ích cá nhân.

Trong khu vực châu Á, một số quốc gia Đông Nam Á như Indônêxia, Malaixia, Thái Lan đã chú trọng phát triển thị trường nhiều hơn là Hàn Quốc và Đài loan đã làm. Các quốc gia này tăng cường quản lý nền kinh tế vĩ mô của mình để tạo ra môi trường đầu tư ổn định và hiệu quả, đầu tư mạnh trong phát triển cơ sở hạ tầng và nông nghiệp, khuyến khích xuất khẩu nông lâm nghiệp, hải sản, may mặc và giày dép. Hơn nữa, các nước Đông Nam Á đã dùng nhiều biện pháp để giảm nhập khẩu các nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp và chế biến, giảm giá thành sản phẩm đầu ra, tạo lợi thế cạnh tranh cho những mặt hàng xuất khẩu của mình. Chính phủ các nước còn áp dụng các biện pháp can thiệp khác như: đầu tư công cộng cho các ngành công nghiệp quy mô lớn, phát triển các công ty đa quốc gia, khuyến khích thị trường để tạo động lực cho tăng trưởng xuất khẩu.

Kinh nghiệm của châu Á đối với châu Phi là rất rõ ràng. Các cơ chế quản lý của châu Phi, giống như ở Đông Nam Á, đều bị

hạn chế bởi năng lực đề cao vai trò của khu vực tư nhân, như Hàn Quốc đã làm. ở châu Phi, các cơ chế quản lý này vô cùng yếu kém. Khác với Đông Nam Á, tiền lương của quan chức chính phủ các nước châu Phi vô cùng thấp đã làm giảm tư cách lãnh đạo của họ, và mối quan hệ giữa các tầng lớp lãnh đạo yếu kém đã làm xói mòn đạo đức trong việc cung cấp các dịch vụ dân sự và nhiều quan chức đã tìm cách vượt biên để có cơ hội việc làm tốt hơn. Cho đến khi các điều kiện trên chưa được khắc phục, các nhà lãnh đạo châu Phi nên lựa chọn các chiến lược không can thiệp sâu như các nước Đông Nam Á đã làm, để cải thiện năng lực cung cấp các dịch vụ dân sự. Đối với nhiều nước châu Phi cần thực hiện chính sách kinh tế thị trường mở để các chính phủ tự thân phải chuyển đổi theo hướng có hiệu quả hơn.

3. Vai trò của các nhân tố đầu vào

Sự phát triển nhanh chóng của các nước Đông và Đông Nam Á đều xuất phát từ lợi thế so sánh. Hồng Kông, Hàn Quốc và Xingapo có rất ít tài nguyên thiên nhiên nhưng họ có những chiến lược phát triển các ngành chế tạo tập trung nhiều lao động dư thừa, không có kỹ năng ngay từ giai đoạn đầu của thời kỳ công nghiệp hoá. Trong những năm 1970, Hàn Quốc đã can thiệp mạnh mẽ để thúc đẩy các sản phẩm xuất khẩu mới nằm ngoài lợi thế so sánh, chủ yếu công nghiệp nặng và hoá chất. Để phát triển kinh tế, các nước đã tập trung đầu tư vốn nhân lực, chuyển dần lợi thế so sánh sang các sản phẩm mới như Hàn Quốc đã làm trong thập kỷ 1970. Sự can thiệp theo kiểu làn sóng này đã đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế ở nhiều nước Đông Á.

Hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều có các yếu tố đầu vào phong phú, chủ yếu là diện tích đất nông nghiệp rộng lớn, phi nhiều và nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Điều này là cơ sở thúc đẩy sản xuất hàng hoá xuất khẩu dựa trên lợi thế có sẵn, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế nhanh chóng của các quốc gia. Thêm vào đó, các nước Đông Nam Á đã đầu tư để duy trì lợi thế về chi phí trong xuất khẩu những mặt hàng truyền thống như: dầu mỏ, khí đốt, kim loại, gỗ, gạo và cao su, đa dạng hoá xuất khẩu các sản phẩm thiết yếu như cà phê, chè, coca và hoa quả. Ví dụ ở Indônêxia và Thái Lan, xuất khẩu những mặt hàng thô, truyền thống đã tăng nhanh trong giai đoạn 1970-1990. Xuất khẩu sản phẩm thô, truyền thống của Malaixia vẫn duy trì ở mức 40%/GDP mặc dù các ngành dịch vụ hiện đại và công nghiệp chế tạo đang phát triển hưng thịnh. Vì thế, các nước Đông Nam Á đang dần chuyển hướng vào các ngành sản xuất chế biến từ các nguyên liệu có sẵn trong nước, các mặt hàng thay thế nhập khẩu và hướng tới xuất khẩu. Chiến lược này đã giúp cho các quốc gia Đông Nam Á tránh được sự thiếu hụt về dòng ngoại hối. Ngoài ra, các nước Đông Nam Á đẩy mạnh các làng nghề truyền thống, tăng cường xuất khẩu các mặt hàng thủ công mỹ nghệ. Ví dụ chính phủ Indônêxia và Malaixia giảm tỷ giá hối đoái (giảm giá trị đồng nội tệ so với ngoại tệ) để khuyến khích xuất khẩu hàng hoá và bảo vệ nền sản xuất nông nghiệp trong nước. Một số nước châu Phi như Nigêria, Angôla, Marôc... thì trái lại, chính phủ các nước này đã gia tăng tỷ giá hối đoái (tăng giá trị đồng nội tệ so với ngoại tệ), điều này không khuyến khích

được xuất khẩu nông nghiệp, phá huỷ nền sản xuất nông nghiệp trong nước. Các nước châu Phi đã đầu tư quá nhiều trong các dự án dầu khí mà không thu được hiệu quả. Điều này đã làm phá hỏng nền sản xuất của châu Phi trong những năm 1980.

Trong suốt những năm 1980-1990, năng suất nông nghiệp gia tăng, giá cả hàng hoá nông nghiệp trên thế giới đã giảm mạnh. Trước tình hình này các nước châu Á đã sử dụng lợi thế về nguồn nhân công giá rẻ trong các ngành sử dụng nhiều lao động như ngành dệt may, giày dép, lắp ráp điện tử và hầu hết họ đã thu được thành công về chuyển dịch cơ cấu mặt hàng của mình. Mặc dù đầu tư trong các ngành hoá chất, sản xuất ô tô, lắp ráp máy bay và một số ngành công nghệ cao khác còn rất mới mẻ và không có lợi thế so sánh ở các nước châu Á, nhưng chính phủ các nước châu Á có những chính sách khuyến khích các ngành trên phát triển. Ở châu Phi, các chính sách hướng nội đã làm mất đi lợi thế so sánh và tạo ra chi phí rất cao cho các ngành công nghiệp có ít tiềm năng xuất khẩu. Công nghiệp hoá chính là biện pháp giúp các nước châu Á tận dụng được lợi thế so sánh và phát triển nguồn nhân lực và đây là bài học quý báu cho các nước châu Phi.

4. Triển vọng cho Châu Phi

Sau hơn 3 thập niên giành được độc lập, châu Phi vẫn chưa xây dựng được nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng trong hơn 3 thập niên trước đó, châu Á cũng ở trong tình trạng giống như châu Phi. Trong những năm 1990, châu Phi ở trong tình trạng giống như



châu Á năm 1965. Nói cách khác, châu Phi ngày nay còn kém xa châu Á trong thập kỷ 1960. Sự khác biệt này có thể so sánh ở lĩnh vực giáo dục quốc gia dựa trên tỷ lệ người biết đọc, biết viết và mức sống của người dân. Ở châu Phi tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với ở châu Á. Sự phát triển của châu Phi phụ thuộc vào năng lực của chính phủ trong việc thực hiện các chính sách, biện pháp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng. Dân số của châu Phi phát triển nhanh hơn nhiều so với châu Á và những căn bệnh hiểm nghèo đang hoành hành lan rộng ở châu Phi, đặc biệt là căn bệnh thế kỷ AIDS.

Những thách thức này là rất lớn nhưng vẫn còn một lý do để lạc quan ở nhiều quốc gia châu Phi bởi nhận thức của người dân ngày càng được nâng lên. Có nghĩa là, chiến lược hướng ngoại đang được thực hiện để tạo thuận lợi cho người dân và cũng đặt nền móng cho sự tồn tại và phát triển của châu Phi. Ngoài ra, các nước châu Phi đang tiến hành đổi mới chính sách phát triển, thực hiện những chính sách khuyến khích người dân di cư quay trở lại nước họ. Giờ đây, nền kinh tế các nước châu Phi đa dạng hoá hơn, có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế như: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chính phủ và các

thành phần kinh tế của châu Phi sẽ liên kết chặt chẽ với nhau như ở các nước châu Á. Nếu châu Phi học tập theo các nước phương Đông, châu Phi sẽ phải giảm bớt tình trạng quan liêu bao cấp, thực hiện phương thức quản lý kinh tế năng động và các chiến lược mở cửa của thị trường như châu Á đã làm.

Các chính phủ các nước châu Phi cần thực hiện tốt các chương trình sau để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế:

+) Ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt, giảm thâm hụt ngân sách.

+) Đầu tư sản xuất nguyên liệu thô, nông nghiệp, quy mô kho, tạo điều kiện cho công nghiệp hoá dần dần.

+) Đầu tư vào giáo dục, đặc biệt là giáo dục tiểu học.

+) Cải cách thị trường tài chính, tự do hoá lãi suất, phát triển thị trường tài chính.

+) Cải cách thương mại và đầu tư, huỷ bỏ kiểm soát nhập khẩu, giảm thuế quan.

+) Thúc đẩy xuất khẩu.

Nguồn: David L.Lindauer & Michael Roemer: "Asia and Africa: Legacies and Opportunities in Development"

Lược dịch: Lê Quang Thắng

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông